TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST
Ngày: 26 - 7 - 2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Lên.
Ông Nguyễn Văn Bỉnh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Giáp Văn Q, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Phước X, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 2B, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh L. Theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 01 năm 2022 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Ô, xã B , thị xã K, tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Giáp Văn Q và bà Nguyễn Thị Phước X, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn K người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 23/11/2020 ông Q và bà X có cho ông Đ và bà M vay số tiền là 1.800.000.000 đồng, khi vay có làm hợp đồng và có công chứng tại Văn phòng công công chứng Bình An, tỉnh Đồng Nai, lãi suất ghi trong hợp đồng là do hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm. Từ khi vay đến nay ông Đ và bà M chưa thanh toán được khoản gốc, lãi mà kéo dài đến nay. Do ông Đ và bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng hai bên đã ký, nên ông Q và bà X khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà M phải trả số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất

1,6%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 23 tháng 11 năm 2020 đến nay, trả một lần trong thời gian sớm nhất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M trình bày: Thừa nhận vào ngày 23/11/2020 có ký hợp đồng và có công chứng tại Văn phòng công chứng Bình An, tỉnh Đồng Nai vay của ông Q và bà X số tiền là 1.800.000.000 đồng là đúng nhưng không có nhận tiền. Vì trước đây có vay tiền của ông Q và bà X và có thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ngày 23/11/2020 ông Q và bà X yêu cầu ký hợp đồng và có công chứng tại Văn phòng công chứng Bình An, tỉnh Đồng Nai vay của ông Q và bà X số tiền là 1.800.000.000 đồng để ông Q và bà X trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông Q còn giữ 01 giấy. Sau khi nhận lại 03 giấy đất ông Đ và bà M thế chấp Ngân hàng Nam Á Bank tại thành phố Tân An vay 2 tỷ đồng và chuyển khoản cho ông Q và bà X xong. Số tiền 1.800.000.000 đồng là do ông Q và bà X tính lãi nhập gốc nhiều lần nên ngày 23/11/2020 hai bên đến Văn phòng công chứng Bình An, tỉnh Đồng Nai ký hợp đồng vay số tiền 1.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ và bà M xác định không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp, nên ông Đ và bà M thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ cho ông Q và bà X 1.800.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 10 triệu và xin giảm mức lãi suất xuống 0,83%/tháng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau nhưng không kết quả. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Giáp Văn Q, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Phước X, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 2B, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đkhởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Ô, xã B , thị xã K, tỉnh L. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Giáp Văn Q và bà Nguyễn Thị Phước X khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M yêu cầu trả số tiền gốc và lãi suất được xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa ông K là người đại diện theo ủy quyền của ông Q và bà X yêu cầu ông Đ và bà M phải trả số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 1,6%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 23 tháng 11 năm 2020 đến ngày 26/7/2022 cụ thể như sau: 1.800.000.000đ x 1,6%/tháng x 20 tháng (tính tròn) = 576.000.000đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi ông Đ và bà M phải trả cho ông Q và bà X là 2.376.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của ông K là hoàn toàn tự nguyện, có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự

(hợp đồng vay tiền). Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà X đối với ông Đ và bà M. Xử buộc ông Đ và bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Q và bà X số tiền tổng cộng gốc và lãi là 2.376.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ cho ông Q và bà X 1.800.000.000 đồng tiền gốc, nhưng xin trả dần mỗi tháng 10 triệu và xin giảm mức lãi suất xuống 0,83%/tháng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Xét thấy, yêu cầu xin trả dần và giảm lãi suất của ông Đ và bà M không được ông K đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Đ và bà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Giáp Văn Q và bà Nguyễn Thị Phước X đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M.

Xử buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Giáp Văn Q và bà Nguyễn Thị Phước X số tiền tổng cộng gốc, lãi là 2.376.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M phải chịu 79.520.000 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Giáp Văn Q và bà Nguyễn Thị Phước X 38.032.000 đồng (ba mươi tám triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000622 ngày 09/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông K, ông Đ và bà M báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Q và bà X được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út